

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2024

“V/v Ly hôn giữa chị Th và anh Th1”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- TTh1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xóm 7, xã HCh, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Xuân Th1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm 7, xã HCh, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị Th xin vắng mặt, anh Th1 vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Phạm Xuân Th1 đăng ký kết hôn ngày 13-3-2018 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm 7, xã HCh đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng tranh lệch về tuổi tác, không cùng chung suy nghĩ và cách sống dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm. Từ ngày 07-12-2023 cho

đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm đối với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị Th đề nghị được ly hôn anh Th1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia Kh, sinh ngày 12-10-2018, hiện cháu Kh đang ở cùng chị Th. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và không yêu cầu anh Th1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, do anh Th1 không có mặt ở nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã gọi điện thông báo cho anh Th1 đến nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như trình bày ý kiến của mình về việc chị Th khởi kiện xin ly hôn. Anh Th1 đã điện thoại từ chối đến Tòa án làm việc. Do anh Th1 không đến trụ sở Tòa án để làm việc, không có mặt tại nơi cư trú và không cung cấp địa chỉ nơi ở mới, không rõ thời điểm anh Th1 trở về nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tiến hành yết công khai các văn bản cần tổng đạt cho anh Th1 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Th có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Xuân Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh Th1 theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Phạm Xuân Th1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 13-3-2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Th1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Th đối với anh Phạm Xuân Th1 thì thấy: Quá trình chung sống giữa chị Th và anh Th1 đã phát sinh mâu thuẫn và từ ngày 07 tháng 12 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm đối với nhau. Chị Th làm đơn xin ly hôn, anh Th1 đã được Tòa án thông báo cho biết về việc chị Th xin ly hôn tuy nhiên, đến nay anh Th1 không đến Tòa làm việc cũng như không nộp, gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ có liên quan. Tại phiên tòa lần

thứ hai anh Th1 vẫn vắng không có lý do. Chị Th vẫn giữ ý kiến xin ly hôn anh Th1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Th1 thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 là trầm trọng, bản thân anh Th1 biết việc chị Th có đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình về việc chị Th xin ly hôn cho Tòa án. Chị Th và anh Th1 đã có thời gian sống ly thân lâu nhưng hai người không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Phạm Thị Th ly hôn anh Phạm Xuân Th1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th có nguyện nuôi con chung là cháu Phạm Gia Kh và không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con. Đến nay anh Th1 cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận ý kiến của chị Th; giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản. Đến nay anh Th1 cũng không có ý kiến gì về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên Hội đồng xét xử nhận định chị Th và anh Th1 không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Phạm Xuân Th1.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Gia Kh, sinh ngày 12-10-2018 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. (con chung đang ở cùng chị Th).
3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Th và anh Th1 không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0003103 ngày 02-04-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HCh: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái